TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 144/2023/DS-PT
Ngày 16-5- 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Hoàng

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2023/TLPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2023 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 111/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị O, sinh năm 1961.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc Bích, sinh năm 1994 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Tắc Thủ, xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Hữu Trường, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân Hưng, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị Bé T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Đường Đặng Tấn Triệu, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trương Lợi, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Số 20, đường Nguyễn Bình, khu đô thị Tài Lộc, ấp Bà Điều, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Trung Tấn, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 74A, đường Trương Phùng Xuân, khóm 4, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo*: Bà Huỳnh Thị Bé T – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Phan Thị O trình bày:

Năm 2020 bà Huỳnh Thị Bé T có tham gia chơi hụi do bà làm chủ hụi. Cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất mở ngày 04/4/2020 âm lịch gồm 32 chưng, loại 1.000.000 đồng/chưng, mỗi tháng khui một lần. Dây hụi này bà T tham gia 02 chưng. Ngày 04/5/2020 bà T hốt một chưng hụi được tổng số tiền 17.800.000 đồng. Sau khi hốt hụi, bà T đóng hụi chết được 02 lần thì ngưng không nộp hụi. Do đó bà đã bỏ tiền ra để đóng hụi chết thay cho bà T đến ngày 04/5/2022 là 18 lần với tổng số tiền 18.000.000 đồng. Ngày 04/11/2020 âm lịch, bà T bỏ hụi và hốt chưng hụi còn lại được tổng số tiền 20.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi, bà T không đóng hụi chết cho bà chưng hụi này lần nào nên bà đã đóng hụi chết cho chưng hụi này của bà T 14 lần với tổng số tiền 14.000.000 đồng. Như vậy, dây hụi mở ngày 04/4/2020 bà đóng hụi chết thay cho bà T tổng số tiền tính đến ngày khởi kiện là 32.000.000 đồng. Số lần đóng hụi còn lại cho đến khi mãn hụi bà O chưa khởi kiện.

- Dây hụi thứ hai mở ngày 15/11/2020 âm lịch gồm 25 chưng, loại hụi 2.000.000 đồng/chưng, mỗi tháng khui một lần. Dây hụi này bà T tham gia 02 chưng. Ngày 15/12/2020 âm lịch bà T hốt 01 chưng hụi được tổng số tiền 27.200.000 đồng. Sau khi hốt hụi, bà T đóng hụi chết được 1.000.000 đồng, còn nợ lại 1.000.000 đồng thì ngưng. Bà phải đóng tiền hụi chết thay cho bà T 12 lần với số tiền 24.000.000 đồng và 1.000.000 đồng bà T nợ nêu trên, tổng cộng là 25.000.000 đồng. Cùng ngày 15/12/2020 âm lịch, bà T đã bán chưng hụi còn lại cho bà Sử Kiều Trang với số tiền 27.200.000 đồng. Theo thoả thuận giữa bà T với bà Trang thì bà T có nghĩa vụ đóng hụi chết cho bà mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi mãn hụi, hai bên có làm giấy tay và kí tên. Tuy nhiên sau khi bán hụi thì bà T không đóng hụi chết cho bà lần nào. Bà đã đóng hụi chết cho chưng hụi này 13 lần với tổng số tiền 26.000.000 đồng. Như vậy, dây hụi mở ngày 15/11/2020 âm lịch bà đóng hụi chết thay cho bà T tổng số tiền tính đến ngày khởi kiện là 51.000.000 đồng. Số lần đóng hụi còn lại cho đến mãn hụi bà O chưa khởi kiện.

Tổng cộng hai dây hụi bà T tham gia 04 chưng hụi đã nợ bà O đến thời điểm khởi kiện là 83.000.000 đồng nên bà O yêu cầu bà T trả 83.000.000 đồng tiền hụi.

Ngoài ra, bà T còn vay tiền của bà nhiều lần với tổng số tiền là 240.400.000 đồng, lãi suất vay thoả thuận 1,5%/tháng. Việc vay tiền bà T có ghi biên nhận tại các biên nhận nợ ngày 20/7/2020 âm lịch là 55.000.000 đồng, ngày 28/7/2020 âm lịch là 30.000.000 đồng, ngày 25/9/2020 âm lịch là 20.000.000 đồng, ngày 16/12/2020 âm lịch là 33.000.000 đồng, ngày 29/12/2020 âm lịch là 19.600.000

đồng, ngày 24/4/2021 âm lịch là 82.800.000 đồng. Do đó bà O yêu cầu bà T trả 240.400.000 đồng tiền vay, không yêu cầu bà T trả lãi.

Năm 2020 bà O cho bà T mượn 05 chỉ vàng 24k không có làm biên nhận, hiện nay bà T chưa trả nên bà O yêu cầu bà T trả 05 chỉ vàng 24k.

Trong thời gian bà T nợ tiền hụi, tiền vay và nợ vàng, bà T chung sống với chồng là ông Nguyễn Trung Tấn nên bà O yêu cầu bà T cùng ông Tấn trả nợ cho bà O tổng số 323.400.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k. (Trong đó: Tiền hụi 83.000.000 đồng, tiền vay 240.400.000 đồng).

- Bị đơn, bà Huỳnh Thị Bé T trình bày:

Bà T thừa nhận năm 2018 bà có tham gia chơi nhiều chưng hụi do bà Phan Thị O làm chủ hụi nhưng tất cả đều đã mãn. Chỉ còn lại dây hụi ngày 04/4/2020, hụi 1.000.000 đồng/chưng, bà tham gia 02 chưng và đã hốt. Mỗi tháng bà đã nộp hụi cho bà O 2.000.000 đồng vào mùng 10 âm lịch hàng tháng, đóng đầy đủ với số tiền 29.400.000 đồng. Đến ngày 10/6/2020 âm lịch, do tình hình dịch bệnh không làm ăn được nên bà không còn khả năng đóng tiếp cho đến nay.

Đối với tờ cam kết hốt hụi ngày 15/12/2020 âm lịch bà thừa nhận có kí tên nhưng bà chơi hụi của bà Nguyễn Thị Ngọc Bích, không phải hụi của bà O. Ngày 15/12/2020 âl lịch, bà đã hốt một chưng và bán một chưng để trả lãi khoản nợ tiền vay mà bà đã vay của bà Bích. Sau khi hốt hụi, bà đóng hụi chết mỗi tháng 4.000.000 đồng, đóng đến tháng 5/2021 được 07 lần thì không còn khả năng đóng hụi cho đến nay.

Đối với số tiền vay 240.400.000 đồng, bà T thừa nhận năm 2018 bà T vay tiền của bà O nhiều lần, tổng cộng 65.000.000 đồng tiền vốn. Mỗi tháng bà T đóng lãi cho bà O 9.000.000 đồng nhưng không có biên nhận. Đến năm 2020, do chậm nộp lãi nên bà O yêu cầu bà ký nhiều biên nhận nợ với tổng số tiền nợ là 240.400.000 đồng. Khi kí biên nhận nợ bà không ghi tiền lãi. Hiện nay, bà T chỉ đồng ý trả nợ cho bà O 65.000.000 đồng tiền vốn, còn lại là tiền lãi nên không đồng ý trả.

Đối với số vàng bà O yêu cầu bà trả 05 chỉ vàng 24k, bà T thừa nhận có mượn 05 chỉ vàng 24k của bà O và có làm biên nhận cho bà O, khi bà trả nợ cho bà O thì bà O đã trả lại biên nhận nợ cho bà T giữ đến nay, do đó bà T không đồng ý trả cho bà O 05 chỉ vàng 24k.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Trung Tấn: Đã được Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, nhưng ông Tấn không đến Tòa án để tham gia tố tụng và không có ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị O.

Buộc bà Huỳnh Thị Bé T và ông Nguyễn Trung Tấn liên đới thanh toán cho bà Phan Thị O tổng số tiền 278.400.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k (Trong đó: Nợ hụi 38.000.000 đồng; nợ vay 240.400.000 đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà O đối với số tiền hụi là 45.000.000 đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 06/3/2023 bị đơn là bà Huỳnh Thị Bé T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Trương Lợi là người đại diện theo ủy quyền của bà T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà T về khoản nợ vay Hội đồng xét xử xét thấy: Theo tài liệu chứng cứ bà O giao nộp thể hiện ngày 20/7/2020 âm lịch bà T đã kí mượn của bà O số tiền là 55.000.000 đồng, ngày 28/7/2020 âm lịch nợ 30.000.000 đồng; ngày 25/9/2020 âm lịch nợ 20.000.000 đồng; ngày 16/12/2020 âm lịch nợ 33.000.000 đồng; ngày 29/12/2020 âm lịch nợ 19.600.000 đồng và ngày 24/4/2021 âm lịch nợ 82.800.000 đồng. Tổng số tiền nợ do bà T kí nhận nợ của bà O là 240.400.000 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà T thừa nhận chữ kí tại các biên nhận do bà O cung cấp là của bà T ký tên, nhưng cho rằng chỉ nợ bà O số tiền vốn là 65.000.000 đồng, còn lại là nợ tiền lãi. Tuy nhiên theo các biên nhận nợ do bà T kí tên không thể hiện tiền lãi, bà O không thừa nhận các khoản tiền nợ do bà T ký tên là tiền lãi. Người đại diện theo ủy quyền của bà T và bà T không có chứng cứ gì chứng minh trong tổng số tiền bà T thừa nhận nợ bà O 240.400.000 thì chỉ có 65.000.000 đồng tiền vốn, còn lại là số tiền lãi nên không có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà T cho rằng trong biên nhận ngày 25/9/2020 bà T có kí số tiền nợ của bà O là 20.000.000 đồng nhưng biên nhận ngoài chữ kí của bà T ký tên còn có tên ông Lê Văn Tịnh nên đề nghị ngừng phiên tòa để đưa ông Tịnh vào tham gia tố tụng. Xét thấy biên nhận nợ ngày 25/9/2020 thể hiện bà T kí tên thừa nhận có mượn bà O 20.000.000 đồng, mặc dù biên nhận có ghi tên ông Tịnh, nhưng bà Bích là người đại diện theo ủy quyền của bà O thừa nhận do bà Bích ghi biên nhận dùm nên đã ghi nhầm tên ông Tịnh vào biên nhận nợ nhưng không gạt bỏ, còn thực tế khi bà T kí nhận nợ của bà O thì không có mặt ông Tịnh nên ông Tịnh không kí tên. Vì vậy không cần thiết đưa ông Tịnh vào tham gia tố tụng. Do biên nhận nợ đã thể hiện bà T kí tên nhận nợ của bà O nên người đại diện theo ủy quyền của bà T cho rằng cần làm rõ tên ông Tịnh trong biên nhận nợ là không cần thiết, không ảnh hưởng đến việc bà T nhận nợ bà O số tiền 20.000.000 đồng. Vì vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T về việc không đồng ý trả cho bà O 240.400.000 đồng.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà T về số vàng vay:

Bà T thừa nhận có mượn của bà O 05 chỉ vàng 24k . Bà T cho rằng khi mượn có làm biên nhận và khi trả vàng cho bà O, bà T đã lấy lại biên nhận và bà T giữ cho đến nay.

Xét thấy, bà O cho rằng việc mượn vàng không có làm biên nhận, nên không thừa nhận biên nhận nợ do bà T cung cấp là do bà O trả lại. Do biên nhận nợ do bà T tự ghi, tự kí tên và tự giữ, hiện nay bà T cho rằng do bà trả vàng cho bà O và được bà O trả lại biên nhận, nhưng bà T không có chứng cứ gì chứng minh biên nhận này do bà O trả lại cho bà T sau khi đã trả vàng cho bà O. Mặc khác, tại đoạn ghi âm giữa bà O và bà T vào ngày 15/01/2022 do bà O cung cấp cho Tòa án thể hiện đến ngày 15/01/2022 bà T thừa nhận vẫn còn nợ vàng bà O chưa trả. Do bà T thừa nhận nợ của bà O 05 chỉ vàng 24k và không chứng minh được việc đã trả nợ cho bà O nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T về số vàng 05 chỉ vàng 24k.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà T về khoản tiền hụi, bà T không đồng ý trả 38.000.000 đồng cho bà O mà chỉ đồng ý trả 1.000.000 đồng.

Xét thấy, tại hồ sơ và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà T thừa nhận bà T có tham gia chơi 04 chân hụi như bà O trình bày và đã hốt 03 chân, còn 01 chân hụi đã bán cho bà Châu Thị Hạnh và đã nộp hụi chết 02 chân hụi khui ngày 04/4/2020 đã nộp hụi chết đủ đến ngày 04/5/2022 và chỉ thừa nhận nợ bà O 1.000.000 đồng của chân hụi khui ngày 15/11/2020 nhưng bà O cho rằng bà T còn nợ tiền hụi chết đến ngày 04/5/2022 là 83.000.000 đồng.

Bà T cho rằng 02 chân hụi khui ngày 04/5/2020 và 02 chân hụi khui ngày 15/11/2020 trong có có 01 chân hụi bà T bán cho bà Hạnh, bà T thừa nhận chỉ còn nợ bà O 1.000.000 đồng. Việc bà T trình bày chỉ còn nợ bà O 1.000.000 đồng tiền hụi tính đến ngày 15/11/2022 nhưng bà T cũng không có chứng cứ chứng minh.

Bản án sơ thẩm chấp nhận số tiền hụi bà T nợ bà O là 38.000.000 đồng, bà O không có kháng cáo, bà T cho rằng chỉ còn nợ bà O 1.000.000 đồng nhưng bà T không có chứng cứ chứng minh. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T về số tiền hụi mà cấp sơ thẩm buộc bà T phải trả cho bà O là 38.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà T yêu cầu đưa bà Hạnh, bà Trang và ông Tịnh vào tham gia tố tụng và đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy việc tham gia chơi hụi giữa bà T và bà O và biên nhận nợ của bà T và bà O đã được bà T thừa nhận. Bà Hạnh, bà Trang là con bà Hạnh và ông Tịnh là người được bà Bích ghi tên vào biên nhận nợ giữa bà T và bà O được bà Bích xác định ghi nhầm không có liên quan trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị hủy bản án sơ thẩm của người đại diện theo ủy quyền của bà T.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà T không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà T nên không có cơ sở để hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm dân sự: do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T nên bà T phải chịu theo qui định.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị Bé T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị O. Buộc bà Huỳnh Thị Bé T và ông Nguyễn Trung Tấn liên đới thanh toán cho bà Phan Thị O tổng số tiền 278.400.000 đồng (Trong đó: Nợ hụi 38.000.000 đồng; nợ vay 240.400.000 đồng) và 05 (năm) chỉ vàng 24k.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị O đối với số tiền hụi chênh lệch là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Huỳnh Thị Bé T và ông Nguyễn Trung Tấn phải chịu 25.284.000 đồng (chưa nộp).

Bà Phan Thị O là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Bé T phải chịu 300.000 đồng, ngày 07/3/2023 bà T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0002959 tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi Cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Phương Loan